

UNIT 4: MUSIC AND ART

GETTING STARTED

STT	TỪ VỰNG (n)	NGHĨA	CÁCH ĐỌC
1.	photos	những tấm hình	<i>phốu tâu x</i>
2.	like	thích, giống như	<i>lai</i>
3.	different from	khác với	<i>đíp phơ rờn phrom</i>
4.	art gallery	phòng triển lãm	<i>at gá lơ ri</i>
5.	music instruments	nhạc cụ	<i>míu zíc in xtrú mơn</i>
6.	camera	máy chụp hình	<i>khá mơ rơ</i>
7.	water puppet show	buổi biểu diễn múa rối nước	<i>quó tơ pấp pít sêu</i>
8.	painting	tranh vẽ	<i>pẩy tin</i>
9.	paintbrush	cọ vẽ	<i>pẩy brốt s</i>

A CLOSER LOOK 1

STT	TỪ VỰNG	NGHĨA	CÁCH ĐỌC
1.	concert hall	phòng hòa nhạc	<i>khấn xợt hon</i>
2.	actress	nữ diễn viên	<i>ác trợt x</i>
3.	artist	họa sĩ	<i>át tít x</i>
4.	composer	nhạc sĩ, người soạn nhạc	<i>khâm pâu giơ</i>
5.	musician	nhạc công, người chơi nhạc	<i>miu zíc sơn</i>
6.	painter	họa sĩ	<i>pắyn tơ</i>
7.	puppet theatre	nhà hát múa rối	<i>pấp pít thía tơ</i>

NGỮ ÂM: /ʃ/ (sờ) và /ʒ/ (giờ)

- **sh**ow /ʃəʊ/ : buổi biểu diễn (sâu)
- na**ti**on /'nei.ʃən/ : quốc gia (nấy sơn)
- televi**s**ion /'tel.i.vi.ʒ.ən/ : ti vi (tê li ví giờn)
- un**s**ual /ʌn'ju:.ʒu.əl/ : hiếm lạ, đặc sắc (ần dítu giu ô)

NGỮ PHÁP: SO SÁNH

1. So sánh bằng: S₁ + be + as + tính từ + as + S₂

✳ I am **taller than** my brother (Tôi cao hơn em trai của tôi)

→ My brother is **not as tall as** I (Em trai của tôi không cao bằng tôi)

✳ This camera is **cheaper than** I thought (Cái máy chụp hình này thì rẻ hơn tôi đã nghĩ)

→ That camera is **not as expensive as** I thought (Cái máy chụp hình này thì không mắc tiền hơn tôi đã nghĩ)

2. Different from (đáp phơ rơn – khác với)

✳ My house is old. Your house is new (Nhà của tôi thì cũ. Nhà của bạn thì mới) → My house is **different from** your house (Nhà của tôi thì khác nhà của bạn)

3. Like (lai – như là)

✳ This picture is **like** the one I saw at the art museum (Bức tranh này thì giống như là bức tranh mà tôi đã thấy ở viện bảo tàng mỹ thuật)